

Số: 304/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 08 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ  
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009; Văn bản hợp nhất số 07/VBHN-VPQH Luật Sở hữu trí tuệ ngày 25 tháng 6 năm 2019;*

*Căn cứ Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược sở hữu trí tuệ đến năm 2030;*

*Căn cứ Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020 về việc phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHCN ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;*

*Căn cứ Thông tư số 75/2021/TT-BTC ngày 09/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý tài chính Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 145/TTr-SKHCN ngày 19 tháng 11 năm 2021,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Chương trình phát triển tài sản trí tuệ (TSTT) trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2030 (sau đây viết tắt là *Chương trình*) với nội dung như sau:

**I. MỤC TIÊU**

**1. Mục tiêu chung**

- Đưa sở hữu trí tuệ (SHTT) trở thành công cụ quan trọng nâng cao năng lực cạnh tranh cho các sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ của tỉnh; tạo môi trường khuyến



khích đổi mới sáng tạo và thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; đưa Kiên Giang kết nối kinh tế quốc gia và hội nhập quốc tế.

- Lòng ghép việc thực thi quyền SHTT trên môi trường số, gắn kết SHTT với quá trình chuyển đổi số của chính quyền, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; sử dụng công nghệ số để tăng cường hoạt động quản lý nhà nước về SHTT cũng như bảo vệ TSTT của doanh nghiệp, người dân trên môi trường số.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### **a) Giai đoạn 2021 - 2025**

- 70% doanh nghiệp (chú trọng doanh nghiệp dẫn đầu, doanh nghiệp khởi nghiệp tiêu biểu, doanh nghiệp khoa học và công nghệ (KH&CN), tổ chức KH&CN, các Trường Cao đẳng, Trường Đại học Kiên Giang, các hợp tác xã (HTX) được tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trong đó có 30% được hỗ trợ bảo hộ quyền SHTT cho các kết quả nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo.

- 60% sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh và 50% sản phẩm gắn với Chương trình mỗi xã một sản phẩm tỉnh Kiên Giang (Chương trình OCOP) được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển TSTT, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

- Hỗ trợ tạo lập và quản lý dưới hình thức chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu tập thể cho từ 20 sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP và sản phẩm của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo mang địa danh địa phương.

- Phân đầu có 30% doanh nghiệp dẫn đầu, doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

- Hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, có lợi thế, sản phẩm làng nghề và sản phẩm OCOP của tỉnh.

- Hỗ trợ khai thác, quản lý và phát triển cho từ 05 sản phẩm hàng hóa đã được bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, sáng chế, giải pháp hữu ích.

- Thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

### **b) Giai đoạn 2026 - 2030**

- Phân đầu 80% doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh (chú trọng doanh nghiệp dẫn đầu, doanh nghiệp khởi nghiệp tiêu biểu, doanh nghiệp KH&CN), tổ chức KH&CN, các Trường Cao đẳng, Trường Đại học Kiên Giang, các hợp tác xã được tuyên truyền, nâng cao nhận thức, trong đó có 40% được hỗ trợ bảo hộ quyền SHTT cho các kết quả nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo.

- Hỗ trợ tạo lập, quản lý và phát triển đối với sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, có lợi thế, sản phẩm làng nghề và sản phẩm OCOP của tỉnh.

- Hỗ trợ khai thác, quản lý và phát triển cho từ 05 sản phẩm hàng hóa đã được bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Phần đầu có 40% doanh nghiệp dẫn đầu, doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh thực hiện đăng ký nhãn hiệu sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp.

- Tối thiểu 60% sản phẩm được công nhận là sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù cấp tỉnh và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP tỉnh Kiên Giang được hỗ trợ đăng ký bảo hộ, quản lý và phát triển TSTT, kiểm soát nguồn gốc và chất lượng sau khi được bảo hộ.

- Hỗ trợ tạo lập và quản lý dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu hàng hóa, nhãn hiệu tập thể cho 5 sản phẩm sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, có lợi thế, sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP và sản phẩm của doanh nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh.

- Hỗ trợ khai thác, quản lý và phát triển cho từ 20 sản phẩm hàng hóa trở lên đã được bảo hộ dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể, sáng chế, giải pháp hữu ích.

- Thúc đẩy và tăng cường hiệu quả thực thi và chống xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

## **II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Tăng cường các hoạt động tạo ra TSTT, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực về đổi mới sáng tạo và SHTT**

a) Hỗ trợ tra cứu, khai thác thông tin SHTT cho các tổ chức KH&CN, các hợp tác xã, doanh nghiệp (ưu tiên doanh nghiệp dẫn đầu, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo), nhằm tạo ra các TSTT được bảo hộ.

b) Hỗ trợ triển khai các nhiệm vụ KH&CN về xây dựng, quản lý và phát triển TSTT; hỗ trợ các tổ chức KH&CN, các Viện - Trường hợp tác với doanh nghiệp, theo hướng tạo ra kết quả nghiên cứu được bảo hộ quyền SHTT, trong đó sử dụng công cụ SHTT để phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, các sản phẩm, dịch vụ có lợi thế cạnh tranh của tỉnh; hướng dẫn doanh nghiệp tạo dựng và khai thác hiệu quả các chỉ dẫn thương mại cho sản phẩm, dịch vụ.

c) Tăng cường các hoạt động của không gian đổi mới sáng tạo, ươm tạo các TSTT từ khâu hình thành ý tưởng, nghiên cứu, phát triển TSTT đến sản xuất thử nghiệm, hình thành doanh nghiệp khởi nghiệp; hỗ trợ các doanh nghiệp khởi nghiệp hoàn thiện công nghệ, tạo ra sản phẩm, dịch vụ có giá trị gia tăng cao; khuyến khích hình thành và phát triển các tổ chức cung cấp dịch vụ phân tích thông tin sáng chế và dự báo xu hướng phát triển công nghệ.

d) Tuyên truyền, phổ biến kiến thức về TSTT trên các phương tiện thông tin đại chúng; xây dựng kế hoạch đào tạo, tập huấn về SHTT, khai thác cơ sở dữ liệu về SHTT trong nước và của tỉnh, chú trọng nguồn nhân lực của các doanh nghiệp



dẫn đầu, doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp khởi nghiệp tiêu biểu và đội ngũ cán bộ quản lý hoạt động SHTT trong tỉnh. Phối hợp tổ chức các chương trình tập huấn, đào tạo từ cơ bản đến chuyên sâu về SHTT phù hợp với các nhóm đối tượng; từng bước xây dựng mạng lưới đào tạo chuyên sâu về SHTT.

## **2. Thúc đẩy đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ**

a) Hỗ trợ xác lập quyền TSTT đối với các sản phẩm khoa học do đơn vị thực hiện nghiên cứu; đăng ký bảo hộ sáng chế/giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu của các tổ chức, cá nhân; đăng ký bảo hộ, công nhận quyền tác giả và quyền liên quan, giống cây trồng mới.

b) Phối hợp, tranh thủ sự hỗ trợ của các Bộ, ngành Trung ương trong việc đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể cho các sản phẩm của tỉnh thuộc danh mục sản phẩm quốc gia và các sản phẩm, dịch vụ chủ lực, đặc thù của tỉnh, sản phẩm gắn với Chương trình OCOP ra nước ngoài.

c) Hỗ trợ xây dựng hệ thống nhận diện thương hiệu cho các sản phẩm đặc trưng của địa phương, sản phẩm OCOP.

## **3. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và phát triển TSTT**

a) Xây dựng cơ chế phối hợp liên ngành trong quản lý nhà nước về SHTT, đảm bảo việc đăng ký mã số vùng trồng, an toàn thực phẩm, chứng nhận chất lượng và xác thực, truy xuất nguồn gốc sản phẩm được bảo hộ.

b) Đầu tư, phát triển hạ tầng, ứng dụng công nghệ mới trong hoạt động xác lập, khai thác và bảo vệ quyền SHTT, xây dựng cơ sở dữ liệu về SHTT của tỉnh.

c) Hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; phát triển mạng lưới chuyên giao công nghệ và SHTT, ưu tiên hỗ trợ tại các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp dẫn đầu, doanh nghiệp khởi nghiệp tiêu biểu để khai thác tối đa quyền SHTT, rút ngắn quá trình ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất, kinh doanh.

d) Hướng dẫn, hỗ trợ doanh nghiệp sử dụng công cụ SHTT trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Triển khai thực hiện quy định về quản lý và sử dụng biểu tượng chỉ dẫn địa lý quốc gia theo hướng dẫn của Trung ương.

đ) Khai thác, phát triển chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và sản phẩm gắn với Chương trình OCOP tỉnh Kiên Giang theo hướng hợp tác, liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm được bảo hộ theo chuỗi giá trị. Giới thiệu, quảng bá và triển khai các hoạt động xúc tiến thương mại nhằm khai thác, phát triển giá trị các TSTT.

e) Hỗ trợ các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân khai thác, phát triển và thương mại hóa TSTT; khai thác sáng chế, giải pháp hữu ích của Việt Nam được bảo hộ, sáng chế của nước ngoài không được bảo hộ hoặc hết thời hạn bảo hộ tại Việt Nam.

g) Hỗ trợ doanh nghiệp, HTX giới thiệu, quảng bá và triển khai hoạt động xúc tiến thương mại cho các sản phẩm, dịch vụ lợi thế, đặc trưng của địa phương được bảo hộ dưới dạng nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý

tham gia Chợ công nghệ và thiết bị, hoạt động trình diễn kết nối cung - cầu công nghệ, Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, triển lãm trong nước nhằm quảng bá sản phẩm, tìm kiếm và mở rộng thị trường.

h) Phát triển thị trường TSTT lành mạnh để nâng cao chất lượng các dịch vụ và tăng cường kết nối cung cầu về TSTT; tổ chức các hội nghị, hội chợ, hoạt động giao thương, kết nối cung cầu, tuyên truyền quảng bá nông sản thực phẩm của tỉnh được bảo hộ SHTT hàng năm.

#### **4. Thực thi và chống xâm phạm quyền SHTT**

a) Tăng cường công tác phối hợp liên ngành trong việc bảo vệ quyền SHTT; tổ chức thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm các hành vi xâm phạm quyền SHTT, nhất là hành vi xâm phạm quyền SHTT trong môi trường số.

b) Hỗ trợ triển khai các biện pháp bảo vệ và nâng cao hiệu quả hoạt động thực thi quyền SHTT; đặc biệt là kiểm soát hàng hóa xuất, nhập khẩu liên quan đến SHTT.

c) Hỗ trợ xây dựng và ứng dụng phần mềm cung cấp thông tin cảnh báo phát hiện vi phạm quyền SHTT.

#### **5. Nâng cao năng lực các tổ chức trung gian và chủ thể quyền SHTT**

a) Thực hiện quản lý, giám sát và phát triển các dịch vụ hỗ trợ về SHTT, dịch vụ giám định về SHTT, dịch vụ tư vấn về quản trị, phát triển TSTT của doanh nghiệp; hỗ trợ doanh nghiệp trong việc khai thác cơ sở dữ liệu về SHTT.

b) Nâng cao năng lực của tổ chức trung gian và chủ thể quyền SHTT tham gia hoạt động kiểm soát, quản lý các sản phẩm được bảo hộ chỉ dẫn địa lý, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể và giống cây trồng; tổ chức đại diện, quản lý và chủ sở hữu quyền tác giả, quyền liên quan đã được bảo hộ.

#### **6. Hình thành, tạo dựng văn hóa SHTT trong xã hội**

a) Tăng cường tuyên truyền pháp luật, các quy định của nhà nước về SHTT và thủ tục đăng ký bảo hộ quyền SHTT, chính sách hỗ trợ phát triển TSTT trên các phương tiện thông tin đại chúng; khuyến khích các hoạt động hội thảo, cuộc thi, sự kiện truyền thông về SHTT và văn hóa SHTT. Đa dạng hóa trong tổ chức các sự kiện chào mừng ngày SHTT thế giới hàng năm,... nhằm nâng cao nhận thức về SHTT, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và xây dựng ý thức, trách nhiệm tôn trọng và bảo vệ quyền SHTT, hình thành văn hóa SHTT trong xã hội.

b) Ứng dụng trên thiết bị điện tử, thiết bị di động để cung cấp thông tin, hỗ trợ, tư vấn về SHTT.

c) Vinh danh, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân có thành tích trong hoạt động SHTT.

### **III. KINH PHÍ THỰC HIỆN**

Kinh phí thực hiện Chương trình từ nguồn ngân sách nhà nước, đóng góp của doanh nghiệp và các nguồn hợp pháp khác. Hằng năm, căn cứ chức năng,



nhiệm vụ cụ thể, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện gửi cơ quan tài chính cùng cấp thẩm định, trình cấp có thẩm quyền quyết định.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

##### **1. Sở Khoa học và Công nghệ:**

a) Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan tổ chức triển khai các nội dung của Chương trình, xem xét, quyết định theo thẩm quyền các quy định pháp luật liên quan đối với những nhiệm vụ thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ của tỉnh.

b) Tổ chức quản lý Chương trình theo các quy định hiện hành về quản lý nhiệm vụ và tài chính đối với Chương trình; theo thẩm quyền, hàng năm, xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí thực hiện Chương trình tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, thực hiện quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

c) Tổ chức sơ kết Chương trình vào năm 2025 và tổng kết Chương trình vào năm 2030.

**2. Sở Tài chính:** Trên cơ sở kế hoạch được duyệt hàng năm, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ căn cứ khả năng cân đối ngân sách, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp triển khai thực hiện.

**3. Sở Kế hoạch và Đầu tư:** Hướng dẫn cho các tổ chức, cá nhân đăng ký thành lập doanh nghiệp theo quy định hiện hành. Hỗ trợ doanh nghiệp theo Quyết định số 1875/QĐ-UBND ngày 12/8/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang phê duyệt Đề án hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Kiên Giang đến năm 2025.

**4. Sở Công Thương:** Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển cho các sản phẩm công nghiệp, tăng cường công tác quản lý, thanh tra, kiểm tra và xử lý các vi phạm về SHTT trên địa bàn tỉnh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Đẩy mạnh xúc tiến thương mại, giao thương kết nối cung cầu, xây dựng quảng bá thương hiệu sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

**5. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ đề xuất, xác định các nhiệm vụ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề chủ lực, đặc thù, có lợi thế gắn với Chương trình OCOP, từng bước xây dựng, nâng cao thương hiệu sản phẩm nông lâm thủy sản và các sản phẩm làng nghề tỉnh Kiên Giang,

**6. Sở Du lịch:** Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các sở, ngành, địa phương có liên quan triển khai thực hiện các Chương trình xúc tiến thương mại hàng năm, quảng bá giới thiệu sản phẩm Kiên Giang, kết nối giao thương, hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm giữa doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với các thị trường trong và ngoài nước.

**7. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh và Truyền hình, Báo Kiên Giang, Cổng thông tin điện tử tỉnh:** Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ xây dựng các chuyên trang, chuyên mục và tăng cường công tác thông tin tuyên truyền về sở hữu trí tuệ, có lồng ghép các chương trình truyền thông, tập huấn về chuyển đổi số trong SHTT, TSTT phù hợp với xu hướng và tình hình mới.

**8. Các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan:** Trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức triển khai thực hiện Chương trình.

**9. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố:** Tuyên truyền phổ biến Chương trình đến người dân và doanh nghiệp, chủ động đề xuất, xây dựng các dự án hỗ trợ cho các sản phẩm có lợi thế của địa phương. Đồng thời bố trí kinh phí hàng năm để hỗ trợ phát triển TSTT trên địa bàn.

## **Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

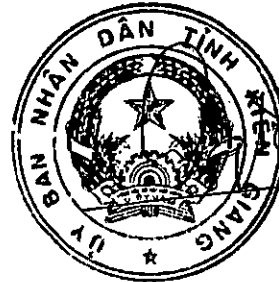
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc (Thủ trưởng) các Sở, ban, ngành tỉnh có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

*Dane*

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- CT, các PCT. UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành tỉnh (Đảng, CQ, ĐT, DNNN tỉnh);
- Liên hiệp các Hội KH và KT tỉnh;
- Liên minh HTX tỉnh;
- Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh;
- Trường Đại học Kiên Giang;
- UBND các huyện, thành phố;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh,
- Chuyên viên nghiên cứu;
- Lưu: VT, nvthanh.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Lưu Trung**

